

Số: **393** /2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2021

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Dung**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Bổng** và ông **Lê Văn Hoan**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thúy**, Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Văn Anh**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 329/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1995;

HKTT: Thôn Ng, xã CL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Phùng Thế T, sinh năm: 1989;

HKTT: Thôn Ng, xã CL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

( *Chị N Anh T đều có mặt tại phiên tòa*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 02/11/2021 lời khai trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Phùng Thế T ngày 15/01/2015 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị về chung sống với nhau ngay tại gia đình anh T. Cuộc sống vợ chồng

hạnh phúc được 5 năm thì đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dẫn tới cuộc sống không hợp nhau xúc phạm nhau hai bên không giải quyết được, bế tắc, anh T chơi bởi cờ bạc, rượu chè, thường xuyên chửi mắng, đánh đập, xúc phạm chị và cả gia đình chị nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 2 năm 2021. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Phùng Thế T. Về con chung: Chị N và anh Phùng Thế T đều xác định vợ chồng có hai con chung là: cháu Phùng Thị Thùy D, sinh ngày 22/11/2015 và Phùng Thế L, sinh ngày 24/01/2018, hiện nay các con chung đều đang sống cùng anh T. Ly hôn chị N tự nguyện giao cả hai con chung cho anh Phùng Thế T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu D, L đều trưởng thành đủ 18 tuổi, chị N xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T vì hiện nay chị đang khó khăn về kinh tế, thu nhập và việc làm. Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức, công nợ chung: Không có gì.

Tại bản tự khai ngày 03/12/2021 và biên bản hòa giải ngày 09/12/2021, anh Phùng Thế T trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị N ngày 15/01/2015. trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về ăn ở cùng nhau ngay tình cảm vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị N có điện thoại, nhắn tin với người đàn ông khác, dẫn tới mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp, không chia sẻ cảm thông được với nhau. Trong lúc nóng giận anh và chị N có xô xát, anh có tát chị N một cái thì chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 2 năm 2021 cho đến nay vợ chồng sống ly thân cũng từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh có khuyên bảo chị N nhiều lần nhưng chị N kiên quyết không trở về chung sống cùng anh. Tuy nhiên, anh vẫn xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị N xin ly hôn anh không đồng ý. Về con chung: Có hai con chung, cháu Phùng Thị Thùy D, sinh ngày 22/11/2015 và Phùng Thế L, sinh

ngày 24/01/2018, hiện nay cả hai con chung đều đang sống cùng anh. Quan điểm của anh T là được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các cháu D và L đều trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức, công nợ chung: Không có gì.

Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng các đương sự giữ nguyên quan điểm, vụ án không hòa giải đoàn tụ được.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị N và anh Phùng Thế T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Chị N yêu cầu xin được ly hôn anh Phùng Thế T vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể trở về đoàn tụ vợ chồng được. Anh Phùng Thế T không nhất trí ly hôn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phùng Thế T đều xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là: cháu Phùng Thị Thùy D, sinh ngày 22/11/2015 và Phùng Thế L, sinh ngày 24/01/2018, hiện nay các cháu đang sống cùng anh T. Ly hôn chị N tự nguyện giao cả hai con chung cho anh Phùng Thế T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu D, Lục đều đủ 18 tuổi, chị N xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T vì hiện nay chị đang khó khăn về kinh tế, và việc làm không ổn định. Anh Phùng Thế T xin được tiếp tục nuôi cả 02 con chung đến khi cháu D, Lục đều đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phùng Thế T đều xác định: không có. Về án phí: Chị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

\* Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án thụ lý đúng theo thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N. Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phùng Thế T.

- Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu Phùng Thị Thùy D, sinh ngày 22/11/2015 và Phùng Thế L, sinh ngày 24/01/2018 cho anh Phùng Thế T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu D, L đều đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị N đến khi anh Phùng Thế T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

- Tài sản chung, riêng, công sức chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị N làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội giải quyết hôn nhân giữa chị và anh Phùng Thế T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phùng Thế T kết hôn ngày 15/01/2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị N và anh T về chung sống cùng nhau ngay tại thôn Ng, xã CL. Chị N và anh T đều thừa nhận, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được 5 năm đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh T cho rằng chị N có quan hệ ngoại tình hay nhắn tin cho người khác dẫn tới tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh T trở nên rượu chè cờ bạc, chị N khuyên bảo nhưng anh T không nghe dẫn đến việc xô xát nên chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 2 năm 2021 cho tới nay.

Trong quá trình sống ly thân, chị N và anh T cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên chị N không quay về, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng cũng từ đó cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn. Đối với anh Phùng Thế T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không nhất trí ly hôn và xin được đoàn tụ vợ chồng. Xét nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng của anh T là chính đáng, Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần, anh T đều mong muốn vợ chồng về đoàn tụ và cũng như tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị N cho rằng việc xin đoàn tụ của anh T là không thật, anh T vẫn nhản tin chửi chị. Do vậy chị xác định tình cảm vợ chồng không còn tha thiết được ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N và cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phùng Thế T để giải phóng cho cả đôi bên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về con chung: Có hai con chung là cháu Phùng Thị Thùy D, sinh ngày 22/11/2015 và cháu Phùng Thế L, sinh ngày 24/01/2018, hiện nay các cháu đang sống cùng anh T. Chị N và anh T cùng tự nguyện thống nhất: giao cả hai con chung cho anh Phùng Thế T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu D, Lực đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phùng Thế T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung, chị Nguyễn Thị N xin được hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên việc cấp dưỡng nuôi con chung là nghĩa vụ và trách nhiệm của cả bố và mẹ đối với con chung. HĐXX xét thấy hiện nay chị N đang ở nhờ bố mẹ để không có công việc ổn định chị đang gặp khó khăn về kinh tế do vậy chị xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đến khi chị có điều kiện và anh T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. HĐXX xét thấy anh T hiện nay có điều kiện về kinh tế, nhà ở, nghề nghiệp lái xe anh có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo tốt các điều kiện để nuôi dạy các con chung phát triển bình thường. Do vậy HĐXX xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đạo đức xã hội. nên cần áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị N và anh Phùng Thế T về con chung: giao cả hai con chung là: cháu Phùng Thị Thùy D, sinh ngày 22/11/2015 và cháu Phùng Thế L, sinh ngày 24/01/2018 cho anh Phùng Thế T

được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu D, L trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N đến khi anh T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Chị Nguyễn Thị N có quyền qua lại và thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: Chị N và anh T đều xác định không có. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Điều 51, 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

**Xử:** Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Phùng Thế T.

Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phùng Thế T.

Về con chung: Có hai con chung, là cháu Phùng Thị Thùy D, sinh ngày 22/11/2015 và cháu Phùng Thế L, sinh ngày 24/01/2018; Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị N và anh Phùng Thế T: giao cả hai cháu Phùng Thị Thùy D, sinh ngày 22/11/2015 và cháu Phùng Thế L, sinh ngày 24/01/2018 cho anh Phùng Thế T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu D và cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị N đến khi anh Phùng Thế T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị N có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản riêng, về tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25 và khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị N đã nộp 300.000 đồng ( *Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0059790 ngày 01/11/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì nay được khấu trừ vào số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị N phải nộp.

**Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị N và anh Phùng Thế T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Ba Vì;
- Chi cục THADS huyện Ba Vì;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Dung**

